|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VN**  **CHI NHÁNH LONG AN**  **PGD …………………** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *…………., ngày …….. tháng ……năm …………* |

**TỜ TRÌNH ĐÁNH GIÁ, THẨM ĐỊNH VÀ QUYẾT ĐỊNH NHẬN BẢO ĐẢM**

**(trường hợp qua AMC/ Công ty liên kết)**

**Kính trình: Ban lãnh đạo {bnbd}**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp thẩm quyền quyết định** | | **Chi nhánh** | | | | | | | **Trụ sở chính** | | | | | | | | | |
| TPGD  TPBL  Giám đốc Chi nhánh/Phó Giám đốc CN | | | | | | | TP PDTD  Tổng Giám đốc  HĐTD TSC  HĐQT | | | | | | | | | |
| CÁN BỘ QHKH | | ..........................................  Email:……………………  SĐT:……………………. | | | | | | | LÃNH ĐẠO PHÒNG | | | | | | …………...................  Email: ………………  SĐT:………………… | | | |
| **PHẦN I: THÔNG TIN KHÁCH HÀNG** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. **BÊN ĐƯỢC CẤP TÍN DỤNG** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| * Tên khách hàng | | | | **{ten\_benvay1}**  **{ten\_benvay2}** | | | | | | | | | | | CIF | | ........................... | |
| * Giấy chứng nhận ĐKKD/CCCD/Căn cước | | | | {gttt\_benvay1}  {gttt\_benvay2} | | | | | | | | | | | | | | |
| * Địa chỉ: {diachi\_benvay1}   {diachi\_benvay2} | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| * GHTD, khoản tín dụng đề nghị cấp: | | | | | | **{tong\_mucctdtoida\_bangdgts | number} đồng** | | | | | | | | | | | | |
| 1. **BÊN BẢO ĐẢM** *(trường hợp Bên bảo đảm không phải là bên được cấp tín dụng)* | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| * Tên Bên bảo đảm[[1]](#footnote-1) | | **{ten\_bbd1}**  **{ten\_bbd2}** | | | | | | | | | | | | | CIF | | ........................... | |
| * Giấy chứng nhận ĐKKD (hoặc MST)/Hộ chiếu/GTTT | | | | | {gttt\_bbd1}  {gttt\_bbd2} | | | | | | | | | | | | | |
| * Địa chỉ: Ấp 5, xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An   Ấp 5, xã Nhị Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **PHẦN II: KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH VÀ ĐỊNH GIÁ CỦA VIETINBANK AMC/ CÔNG TY LIÊN KẾT (đính kèm tờ trình này)** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. Hồ sơ TSBĐ có đảm bảo tính pháp lý? | | | | | | | | | Có | | | | | | | Không | | |
| Cụ thể: ............................................................................................................................................. | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. Tài sản thuộc QSD/QSH của bên bảo đảm? | | | | | | | | | Có | | | | | | | Không | | |
| Cụ thể: **{ten\_bbd1}** - **{ten\_bbd2}** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. Tài sản có được phép giao dịch trên thị trường?   (TS có bị tranh chấp, quy hoạch, giải toả…) | | | | | | | | | Có | | | | | | | Không | | |
| Cụ thể: TS không bị tranh chấp, quy hoạch, giải toả | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. Giá trị định giá: **{tonggiatri\_tsbd\_bangso | number} đồng** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. Các giới hạn, điều kiện của kết quả thẩm định giá tài sản: ……………………………. | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **PHẦN III: KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, THẨM ĐỊNH VÀ QUYẾT ĐỊNH/ĐỀ XUẤT CỦA CHI NHÁNH** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. **KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. **Bên bảo đảm** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| * Có đủ năng lực pháp luật dân sự? | | | | | | | | | Có | | | | | | | Không | | |
| * Người đại diện có đủ năng lực hành vi dân sự và đủ thẩm quyền ký Cam kết bảo lãnh/ Hợp đồng Bảo đảm? | | | | | | | | | Có, trường hợp uỷ quyền ghi rõ số văn bản........................ | | | | | | | Không | | |
| * Tài sản có người đồng sử dụng, đồng sở hữu tài sản | | | | | | | | | Không | | | | | | | Có, mối quan hệ: …. | | |
| 1. **Biện pháp bảo đảm** | | |  | | | | | | | | |
| ***Bảo đảm bằng tài sản*** | | | Tài sản của khách hàng vay | | | | | | | | Tài sản của bên thứ ba.  Mối quan hệ với KH vay: ….. | | | | | | |
| * 1. Thông tin về tài sản | | |  | | | | | | | |  | |  | | | | |
| * Loại tài sản: | QSD đất; tài sản gắn liền với đất | | | | | | | | | Cụ thể: .................................................... | | | | | | | | |
| Phương tiện vận tải | | | | | | | | | Cụ thể: ..................................................... | | | | | | | | |
| Máy móc thiết bị | | | | | | | | | Cụ thể …….............................…………. | | | | | | | | |
| Tài sản khác | | | | | | | | | Cụ thể: ..................................................... | | | | | | | | |
| * Nguồn gốc tài sản | | | Tài sản đã hình thành và thuộc sở hữu của bên bảo đảm | | | | | Tài sản hình thành từ vốn vay | | | | | | | Tài sản hình thành trong tương lai, không phải từ vốn vay | | | |
| * Đặc điểm của tài sản (*chi tiết về chủng loại, đặc tính của tài sản*):   **Tài sản 1:** {ten\_tsbd1} theo {hoso\_tsbd1}   * **Thửa đất** * Thửa đất số: {sothuadat\_tsbd1}; Tờ bản đồ số: {tobando\_tsbd1} * Diện tích: {dientichdat\_tsbd1} m2 (Bằng chữ: {dientichdatbangchu\_tsbd1}) * Loại đất: {loaidat\_tsbd1} * Thời hạn sử dụng: {thoihansudungdat\_tsbd1} * Hình thức sử dụng: {hinhthucsudungdat\_tsbd1} * Địa chỉ: {diachi\_tsbd1} * Nguồn gốc sử dụng đất: {nguongoc\_tsbd1} * Ghi chú: {ghichu\_tsbd1} * Sơ đồ thửa đất (hướng, kích thước, hình dáng, các mặt tiếp giáp…): {sodothuadat\_tsbd1} * Thông tin quy hoạch: {thongtinquyhoach\_tsbd1} * Thông tin tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện, kê biên…: {thongtintranhchap\_tsbd1} * Hạn chế tài sản: {hanche\_tsbd1} * Các đặc điểm hiện trạng, thông tin khác: {hientrangkhac\_tsbd1} * Qua thẩm định, ghi nhận sự phù hợp giữa hiện trạng thực tế TSBĐ và hồ sơ pháp lý:   ❑Có  ❑Không. Cụ thể: {noidungkhongphuhopphaply\_tsbd1}   * Phân tích về vị trí: {phantichvitri\_tsbd1} * Phân tích thông tin về sử dụng tài sản: {phantichsudung\_tsbd1} * **Tài sản gắn liền với đất** * Loại nhà ở: {loainhao\_tsbd1} * Diện tích xây dựng: {dientichxd\_tsbd1} m2 * Diện tích sàn: {dientichsan\_tsbd1} m2 * Hình thức sở hữu: {hinhthucsohuu\_tsbd1} * Cấp (Hạng): {capnhao\_tsbd1} * Thời hạn sở hữu: {thoihansohuu\_tsbd1}   **Tài sản 2:** {ten\_tsbd2} theo {hoso\_tsbd2}   * **Thửa đất** * Thửa đất số: {sothuadat\_tsbd2}; Tờ bản đồ số: {tobando\_tsbd2} * Diện tích: {dientichdat\_tsbd2} m2 (Bằng chữ: {dientichdatbangchu\_tsbd2}) * Loại đất: {loaidat\_tsbd2} * Thời hạn sử dụng: {thoihansudungdat\_tsbd2} * Hình thức sử dụng: {hinhthucsudungdat\_tsbd2} * Địa chỉ: {diachi\_tsbd2} * Nguồn gốc sử dụng đất: {nguongoc\_tsbd2} * Ghi chú: {ghichu\_tsbd2} * Sơ đồ thửa đất (hướng, kích thước, hình dáng, các mặt tiếp giáp…): {sodothuadat\_tsbd2} * Thông tin quy hoạch: {thongtinquyhoach\_tsbd2} * Thông tin tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện, kê biên…: {thongtintranhchap\_tsbd2} * Hạn chế tài sản: {hanche\_tsbd2} * Các đặc điểm hiện trạng, thông tin khác: {hientrangkhac\_tsbd2} * Qua thẩm định, ghi nhận sự phù hợp giữa hiện trạng thực tế TSBĐ và hồ sơ pháp lý:   ❑Có  ❑Không. Cụ thể: {noidungkhongphuhopphaply\_tsbd2}   * Phân tích về vị trí: {phantichvitri\_tsbd2} * Phân tích thông tin về sử dụng tài sản: {phantichsudung\_tsbd2} * **Tài sản gắn liền với đất** * Loại nhà ở: {loainhao\_tsbd2} * Diện tích xây dựng: {dientichxd\_tsbd2} m2 * Diện tích sàn: {dientichsan\_tsbd2} m2 * Hình thức sở hữu: {hinhthucsohuu\_tsbd2} * Cấp (Hạng): {capnhao\_tsbd2} * Thời hạn sở hữu: {thoihansohuu\_tsbd2}   **Tài sản 3:** {ten\_tsbd3} theo {hoso\_tsbd3}   * **Thửa đất** * Thửa đất số: {sothuadat\_tsbd3}; Tờ bản đồ số: {tobando\_tsbd3} * Diện tích: {dientichdat\_tsbd3} m2 (Bằng chữ: {dientichdatbangchu\_tsbd3}) * Loại đất: {loaidat\_tsbd3} * Thời hạn sử dụng: {thoihansudungdat\_tsbd3} * Hình thức sử dụng: {hinhthucsudungdat\_tsbd3} * Địa chỉ: {diachi\_tsbd3} * Nguồn gốc sử dụng đất: {nguongoc\_tsbd3} * Ghi chú: {ghichu\_tsbd3} * Sơ đồ thửa đất (hướng, kích thước, hình dáng, các mặt tiếp giáp…): {sodothuadat\_tsbd3} * Thông tin quy hoạch: {thongtinquyhoach\_tsbd3} * Thông tin tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện, kê biên…: {thongtintranhchap\_tsbd3} * Hạn chế tài sản: {hanche\_tsbd3} * Các đặc điểm hiện trạng, thông tin khác: {hientrangkhac\_tsbd3} * Qua thẩm định, ghi nhận sự phù hợp giữa hiện trạng thực tế TSBĐ và hồ sơ pháp lý:   ❑Có  ❑Không. Cụ thể: {noidungkhongphuhopphaply\_tsbd3}   * Phân tích về vị trí: {phantichvitri\_tsbd3} * Phân tích thông tin về sử dụng tài sản: {phantichsudung\_tsbd3} * **Tài sản gắn liền với đất** * Loại nhà ở: {loainhao\_tsbd3} * Diện tích xây dựng: {dientichxd\_tsbd3} m2 * Diện tích sàn: {dientichsan\_tsbd3} m2 * Hình thức sở hữu: {hinhthucsohuu\_tsbd3} * Cấp (Hạng): {capnhao\_tsbd3} * Thời hạn sở hữu: {thoihansohuu\_tsbd3} | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| * 1. Hồ sơ pháp lý của tài sản bảo đảm *(ghi rõ các giấy tờ liên quan đến tài sản)*: * {hoso\_tsbd1} * {hoso\_tsbd2} * {hoso\_tsbd3} | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| * Giấy tờ liên quan đến tài sản có đầy đủ không? | | | | | | | Đầy đủ | | | | | | | Còn thiếu.  Hồ sơ còn thiếu:................. | | | | |
| * Tính pháp lý của hồ sơ tài sản | | | | | | | Đồng ý với đánh giá của AMC/CTLK | | | | | | | Không đồng ý với đánh giá của AMC/CTLK, cụ thể ……(lý do kèm theo) | | | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| * Các ghi chú, lưu ý của hồ sơ TSBĐ (nếu có) | Có, cụ thể:………  Đánh giá ảnh hưởng của nội dung này đến việc nhận TSBĐ | Không |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| * Tính xác thực của GCN quyền sở hữu và/hoặc các giấy tờ có liên quan tới TSBĐ; | | | | | Có | | | | | Không, lý do................... | | | | |
| * Thông tin về tài sản trên hồ sơ pháp lý của tài sản có khác biệt so với tài sản thực tế không? | | | | | Có, cụ thể........….. | | | | | Không | | | | |
| * 1. Kết quả thẩm định điều kiện nhận Tài sản bảo đảm | | | | | | | | | | | | | | |
| * Tài sản có thuộc danh mục TSBĐ được nhận theo quy định bảo đảm tiền vay hiện hành không? | | | | | Có,  Cấp có thẩm quyền: Chi nhánh | | | | | | | Không, lý do: ..... | | |
| * Tài sản có thuộc quyền sở hữu của bên BĐ không? | | | | | Có  Đồng ý với nội dung đánh giá của AMC[[2]](#footnote-2) | | | | | | Không, lý do: ...............  Không đồng ý với nội dung đánh giá của AMC, lý do…. | | | |
| * Tài sản có thuộc loại được phép giao dịch/chuyển nhượng không? | | | | | Có  Đồng ý với nội dung đánh giá của AMC | | | | | | Không, lý do: ................  Không đồng ý với nội dung đánh giá của AMC, lý do…. | | | |
| * Tài sản có thuộc diện bị quy hoạch, giải toả *(đối với bất động sản)?* | | | | | Có  Đồng ý với nội dung đánh giá của AMC | | | | | | Không  Không đồng ý với nội dung đánh giá của AMC, lý do…. | | | |
| * Tài sản hiện có tranh chấp không? | | | | | Có  Đồng ý với nội dung đánh giá của AMC | | | | | | Không  Không đồng ý với nội dung đánh giá của AMC, lý do…. | | | |
| * Tài sản có bị kê biên đảm bảo thi hành án không | | | | | Có, cụ thể: | | | | | | Không | | | |
| * NHCTD có khả năng quản lý TSBĐ không?   *(đánh giá cụ thể tại mục 3 Tờ trình)* | | | | | Có | | | | | | Không | | | |
| * Tài sản có thuộc loại phải mua bảo hiểm không? *(trường hợp TS đã được mua bảo hiểm, đánh giá thêm uy tín và năng lực của tổ chức bảo hiểm)* | | | | | Có *(loại bảo hiểm, giá trị bảo hiểm, tổ chức bảo hiểm, nguời thụ hưởng/đơn vị thụ hưởng, thời hạn bảo hiểm): ...........* | | | | | | Không | | | |
| * Tài sản có đang được cầm cố/thế chấp tại TCTD khác không? TCTD khác đã đăng ký GDBĐ đối với Tài sản chưa? *(giấy tờ xác minh kèm theo số…ngày…)* | | | | | Có, Tại TCTD.........  - Loại tài sản đăng ký: ......…  - Khối lượng, giá trị, *(TSBĐ là hàng hoá): ...*.……............ | | | | | | Không | | | |
| * Thời hạn sử dụng còn lại của TSBĐ | | | | | **Tài sản 1:** {thoihansudungdat\_tsbd1}  **Tài sản 2:** {thoihansudungdat\_tsbd2}  **Tài sản 3:** {thoihansudungdat\_tsbd3} | | | | | | | | | |
| * Thời hạn còn lại của tài sản có dài hơn thời hạn cấp tín dụng không? | | | | | Có | | | | | | Không, cụ thể…. | | | |
| * Khả năng thu hồi nợ trong trường hợp phải xử lý tài sản. | | | | | Có | | | | | | Không, cụ thể…. | | | |
| * Đánh giá mức độ đặc thù của tài sản (nếu có) và đánh giá mức độ rủi ro khi nhận tài sản:…………… | | | | | | | | | | | | | | |
| * Đánh giá tính thanh khoản của tài sản bảo đảm trên thị trường: …………………………………………. | | | | | | | | | | | | | | |
| * Đối với TSBĐ là bất động sản, đã có giao dịch thành công nào đối với bất động sản có đặc điểm, vị trí tương tự chưa? | | | | | Có, cụ thể…. | | | | | | Không | | | |
| * Đánh giá các yếu tố có khả năng ảnh hưởng đến việc xử lý TSBĐ của NHCT (nếu có): ........................................ | | | | | | | | | | | | | | |
| * Đánh giá khác *(nếu có)........................................................................................................................................................* | | | | | | | | | | | | | | |
| * 1. **Kết quả định giá tài sản bảo đảm:** theo Biên bản định giá *(đính kèm)*/hoặc theo đánh giá của Chi nhánh | | | | | | | **{tonggiatri\_tsbd\_bangso | number} đồng** | | | | | | | |
| * Giá trị mức cấp tín dụng tối đa so với giá trị TSBĐ | **{tong\_mucctdtoida\_bangdgts | number} đồng** | | | | | | | {tong\_tyleBOA\_bangdgts | number:2}% giá trị định giá | | | | | | |
| 1. **Đánh giá khả năng giám sát, biện pháp quản lý tài sản bảo đảm và phương án đề xuất để hạn chế rủi ro khi nhận tài sản bảo đảm** | | | | | | | | | | | | | | |
| ***Tần suất kiểm tra TSBĐ của Chi nhánh:*** *Tối thiểu**12 tháng/lần* | | | | | | | | | | | | | | |
| * 1. Đối với Phương tiện giao thông (ôtô, xe máy,...): Chi nhánh gửi công văn thông báo về việc nhận TSBĐ đến cơ quan chức năng. Cơ quan chức năng là………   Nội dung đánh giá khác:………………………………………………………………………………… | | | | | | | | | | | | | | |
| * 1. Đối với các tài sản khác:.................. *(trường hợp không quản lý được, nêu rõ lý do)*:…………………. | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. **KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT** | | | | | | | | | | | | | | |
| * 1. **Kết luận** | | | | | | | | | | | | | | |
| * Có đủ điều kiện nhận bảo đảm hay không? | | | | Có | | | | | | | | | Không | |
| * Cấp thẩm quyền quyết định | | | | Chi nhánh | | | | | | | | | Trụ sở chính | |
| * Chi nhánh có thể quản lý được tài sản | | | | Có | | | | | | | | | Không | |
| * Giá trị tài sản bảo đảm | | | | **{tonggiatri\_tsbd\_bangso | number} đồng** | | | | | | | | | | |
| * Giá trị mức cấp tín dụng tối đa so với giá trị TSBĐ | | | | **{tong\_mucctdtoida\_bangdgts | number} đồng** | | | | | | | | | Tương đương {tong\_tyleBOA\_bangdgts | number:2}% giá trị định giá | |
| * 1. **Đề xuất** | | | | | | | | | | | | | | |
| * Có nhận bảo đảm là …………........làm cơ sở cấp GHTD/ Khoản tín dụng? | | Nhận bảo đảm bổ sung | | | | Nhận bảo đảm | | | | | | | | Không nhận bảo đảm. |
| * Áp dụng biện pháp bảo đảm | | Cầm Cố  Thế chấp | | | | | | | | | | | | |
| * Giá trị tài sản bảo đảm | | **{tonggiatri\_tsbd\_bangso | number} đồng** | | | | | | | | | | | | |
| * Giá trị TSBĐ hạch toán trên hệ thống | | **{tonggiatri\_tsbd\_bangso | number} đồng** | | | | | | | | | | | | |
| * Giá trị mức cấp tín dụng tối đa so với giá trị TSBĐ | | **{tong\_mucctdtoida\_bangdgts | number} đồng** | | | | | | | Tương đương {tong\_tyleBOA\_bangdgts | number:2}% giá trị định giá | | | | | |
| * **Chi tiết Giá trị định giá:**  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Giấy chứng nhận tài sản** | **Số thửa đất** | **Hạng mục** | **Diện tích (m²)** | **Đơn giá (đồng/m²)** | **CLCL** | **Thành tiền (đông)** | **Thành tiền làm tròn (đồng)** | **Căn cứ định giá** | | **{#bang\_giatri\_dinhgia}**{gcnts\_bangdgts} | {sothuadat\_bangdgts} | {hangmuc\_bangdgts} | {dientich\_bangdgts | numflex} | {dongia\_bangdgts | number} | {clcl\_bangdgts} | {thanhtien\_bangdgts | number} | {thanhtienlamtron\_bangdgts | number} | {cancudinhgia\_bangdgts}**{/bang\_giatri\_dinhgia}** | | **Tổng** | | | | | | **{tong\_thanhtien\_bangdgts | number}** | **{tong\_thanhtienlamtron\_bangdgts | number}** |  |  * **Chi tiết Giá trị mức cấp tín dụng tối đa so với giá trị TSBĐ:**  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Giấy chứng nhận tài sản** | **Thành tiền làm tròn (đồng)** | **Mức cấp tín dụng tối đa (đồng)** | **Tỷ lệ BOA** | | **{#bang\_giatri\_dinhgia}**{gcnts\_bangdgts} | {thanhtienlamtron\_bangdgts | number} | {mucctdtoida\_bangdgts | number} | {tyleboa\_bangdgts | number:2}%**{/bang\_giatri\_dinhgia}** | | **Tổng** | **{tong\_thanhtien\_bangdgts | number}** | **{tong\_mucctdtoida\_bangdgts | number}** | **{tong\_tyleBOA\_bangdgts | number:2}%** | | | | | | | | | | | | | | | |
| * Điều kiện kèm theo khi nhận bảo đảm | | |  | | | | | | | | | | | |
| * Điều kiện đưa vào HĐTD, HĐBĐ: | | | ........................................................................................... | | | | | | | | | | | |
| * Điều kiện khác (nếu có): | | | ........................................................................................... | | | | | | | | | | | |
| * Các thủ tục sẽ thực hiện tiếp theo *(ghi rõ công chứng HĐBĐ, đăng ký GDBĐ, gửi công văn thông báo, ký HĐ thuê kho, thuê bên thứ ba, mua bảo hiểm của …, …..)* | | | công chứng HĐBĐ, đăng ký GDBĐ | | | | | | | | | | | |
| ***Chúng tôi xin cam đoan đã tập hợp, thẩm định đầy đủ thông tin dựa trên hồ sơ bảo đảm, những chi tiết, thông tin, về bên bảo đảm, khách hàng, tài sản bảo đảm trên đây. Các thông tin là trung thực và đúng thực tế.***  **Cán bộ đánh giá**  *(CB QHKH)*  *(Ký, ghi họ tên)* | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. **KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH** | | | | | | | | | | | | | | |
| Sau khi thẩm định, đồng ý với các đánh giá và đề xuất của cán bộ QHKH.  Sau khi thẩm định, không đồng ý với đánh giá và đề xuất của Cán bộ QHKH. Các nội dung không đồng ý và lý do như sau:…………………………………………………………………………………  Ý kiến/điều kiện khác (nếu có):……………………………………………………………………….  **Người thẩm định**  (CB QHKH, Lãnh đạo PBL/PGD)  *(Ký, ghi họ tên)* | | | | | | | | | | | | | | |
| 1. **QUYẾT ĐỊNH CỦA CẤP CÓ THẨM QUYỀN TẠI CHI NHÁNH** | | | | | | | | | | | | | | |
| Không đồng ý quyết định nhận bảo đảm, lý do:…………………………………………………………  Đồng ý quyết định nhận bảo đảm   * Nội dung phê duyệt: Đồng ý toàn bộ theo nội dung đề xuất của PGD.   Ý kiến/điều kiện khác (nếu có):………………………………………………………………………..  *Long An, ngày….. tháng…..năm……*  **Cấp có thẩm quyền**  *(Ký, đóng dấu họ tên)* | | | | | | | | | | | | | | |

1. *Trường hợp tài sản có nhiều đồng sở hữu/sử dụng (bao gồm cả tài sản của hộ gia đình/vợ chồng), Chi nhánh liệt kê và ghi đầy đủ thông tin của các đồng sở hữu/sử dụng* [↑](#footnote-ref-1)
2. *Trường hợp AMC/Công ty liên kết không đánh giá hoặc đánh giá không rõ ràng đối với các nội dung này (như: chưa phát hiện, …), chi nhánh chịu trách nhiệm đánh giá đối với các nội dung này (tích vào có/không thay vì tích vào đồng ý/không đồng ý với đánh giá của AMC/CTLK)* [↑](#footnote-ref-2)